



tàn tóu

探头

verb-object phrase · stick out one's head

Example Sentences

tā tàn tóu kàn le kàn chuāng wài
他探头看了看窗外。

He stuck his head out and looked outside the window.

xiǎo gǒu cóng mén fèng lǐ tàn tóu chū lái
小狗从门缝里探头出来。

The little dog stuck its head out from the crack in the door.

Trace each character, then write the word on your own.

探	探	探	探	探	探	探	探	探	探	探
探	探	探								
头	头	头	头	头	头	头	头			